

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2017

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quốc Võ

2. Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thanh T**, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông **Kiên Hoàng A**, sinh năm 1984; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Trà Vinh.

Nơi làm việc: ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13-6-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Kiên Hoàng A có tổ chức lễ cưới năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi chung sống được khoảng 06 tháng thì bà và ông Kiên Hoàng A nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà cảm thấy sống với ông Hoàng A không hạnh phúc nên đã ly thân với ông Hoàng A từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Vì vậy, bà Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Kiên Hoàng A.

Về con chung: Bà và ông Kiên Hoàng A không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Kiên Hoàng A không có.

Theo bản tự khai ngày 30-6-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kiên Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Lê Thanh T có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thì ông và bà Lê Thanh T có xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn bà Lê Thanh T.

Về con chung: ông và bà Lê Thanh T không có con chung.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: ông và bà Lê Thanh T không có.

Tại phiên tòa, bà Lê Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Kiên Hoàng A vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Kiên Hoàng A và không có yêu cầu nào khác. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Kiên Hoàng A có nơi cư trú (nơi làm việc thường xuyên) tại ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Kiên Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kiên Hoàng A.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A đều trình bày thống nhất bà T và ông Hoàng A có tổ chức lễ cưới năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và “*Trường hợp không có đăng*

ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này... ”. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà T và ông Hoàng A khai thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà Tiên đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung với ông Kiên Hoàng A (nếu có tài sản chung) nhưng bà T vẫn không yêu cầu giải quyết; ông Kiên Hoàng A vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa án là ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung với bà Lê Thanh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ: Bà T và ông Hoàng A khai thống nhất không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...*”. Vì vậy, bà Lê Thanh T phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A.

2. Về con chung: Bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A khai không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ: Bà Lê Thanh T và ông Kiên Hoàng A khai không có nợ ai nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Lê Thanh T phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011866 ngày 13-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Lê Thanh T đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn bà Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Kiên Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh